

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ CÔNG BỐ TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026

Trường Đại học Tây Đô được thành lập năm 2006, là một trường Đại học tư thục đầu tiên tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

Năm tuyển sinh 2026, trường tiếp tục tuyển sinh trên phạm vi cả nước với 29 ngành bậc Đại học với 05 phương thức xét tuyển: Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ); Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT; Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh; Sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do Đại học Cần Thơ tổ chức, Kết hợp xét học bạ THPT và phỏng vấn.



Tổ hợp môn xét tuyển năm 2026

TT	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
1	7850103	Quản lý đất đai	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Toán - Vật lí - Tin học (X06) Toán - Hóa học - Tin học (X10)
2	7510102	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Vật lí - Sinh học (A02)
3	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Toán - Vật lí (C01) Toán - Vật lí - Tin học (X06) Toán - Vật lí - Công nghệ công nghiệp (X07) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)
4	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Toán - Vật lí (C01)

TT	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
			Toán - Tin học - Tiếng Anh (X26) Toán - Ngữ văn - Tin học (X02) Toán - Vật lý - Tin học (X06)
5	7380101	Luật	Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí (C00) Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh (D14) Toán - Giáo dục công dân - Tiếng Anh (D84) Ngữ văn - Giáo dục công dân - Tiếng Anh (D66) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Toán- Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X25) Ngữ văn - Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X78)
6	7380107	Luật kinh tế	Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí (C00) Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh (D14) Toán - Giáo dục công dân - Tiếng Anh (D84) Ngữ văn - Giáo dục công dân - Tiếng Anh (D66) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Toán- Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X25) Ngữ văn - Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X78)
7	7380108	Luật Quốc tế	Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí (C00) Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh (D14) Toán - Giáo dục công dân - Tiếng Anh (D84) Ngữ văn - Giáo dục công dân - Tiếng Anh (D66) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Toán- Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X25) Ngữ văn - Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X78)
8	7210403	Thiết kế đồ họa	Ngữ văn - Toán - Địa lí (C04) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Toán - Địa lí - Tiếng Anh (D10) Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh (D15) Toán - Vật lý - Hóa học (A00) Toán - Ngữ văn - Tin học (X02) Toán - Vật lý - Tin học (X06) Toán - Vật lý - Công nghệ công nghiệp (X07)
9	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh (D14) Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh (D15)

TT	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
			Ngữ văn - Giáo dục công dân - Tiếng Anh (D66) Ngữ văn - Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X78)
10	7229030	Văn học	Ngữ văn - Toán - Địa lí (C04) Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí (C00) Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh (D14) Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh (D15) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)
11	7320104	Truyền thông đa phương tiện	Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí (C00) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh (D15) Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Ngữ văn - Tin học (X02)
12	7620301	Nuôi trồng thủy sản	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (D07) Toán - Vật lí - Tin học (X06) Toán - Hóa học - Tin học (X10) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)
13	7310630	Việt Nam học	Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Toán - Địa lí (C04) Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí (C00) Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh (D15) Toán - Lịch sử - Địa lí (A07) Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh (D14) Ngữ văn - Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X78) Ngữ văn - Địa lí - Giáo dục kinh tế và pháp luật (X74) Ngữ văn - Lịch sử - Giáo dục kinh tế và pháp luật (X70)
14	7640101	Thú y	Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Địa lí (A06) Toán - Sinh học - Địa lí (B02) Ngữ văn - Toán - Hóa học (C02) Toán - Hóa học - Tin học (X10) Toán - Sinh học - Tin học (X14) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)
15	7340101	Quản trị kinh doanh	Toán - Vật lí - Hóa học (A00)

TT	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
16	7340115	Marketing	Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Toán - Địa lí (C04) Toán - Tin học - Tiếng Anh (X26) Toán - Ngữ văn - Tin học (X02) Toán - Vật lí - Tin học (X06)
17	7340120	Kinh doanh quốc tế	
18	7340201	Tài chính - Ngân hàng	
19	7340301	Kế toán	
20	7340122	Thương mại điện tử	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Toán - Địa lí (C04) Toán - Tin học - Tiếng Anh (X26) Toán - Ngữ văn - Tin học (X02) Toán - Vật lí - Tin học (X06)
21	7540101	Công nghệ thực phẩm	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Vật lí - Sinh học (A02) Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Toán - Vật lí (C01) Toán - Vật lí - Tin học (X06) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)
22	7810101	Du lịch	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Ngữ văn - Toán - Địa lí (C04) Ngữ văn - Lịch sử - Địa lí (C00) Toán - Hóa - Tiếng Anh (D07) Toán - Lịch sử - Địa lí (A07) Ngữ văn - Lịch sử - Tiếng Anh (D14) Ngữ văn - Địa lí - Tiếng Anh (D15) Toán - Địa lí - Giáo dục kinh tế và pháp luật (X21) Toán - Ngữ văn - Giáo dục kinh tế và pháp luật (X01) Toán - Giáo dục kinh tế và pháp luật - Tiếng Anh (X25)
23	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
24	7810201	Quản trị khách sạn	
25	7480201	Công nghệ thông tin	

TT	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
			Toán - Tin học - Công nghệ công nghiệp (X56) Toán - Hóa học - Tin học (X10) Toán - Sinh học - Tin học (X14) Toán - Tin học - Tiếng Anh (X26) Toán - Ngữ văn - Tin học (X02) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01)
26	7720201	Dược học	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (D07) Ngữ Văn - Toán - Hóa học (C02) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (D08) Toán - Vật lí - Sinh học (A02)
27	7720301	Điều dưỡng	Toán - Vật lí - Sinh học (A02) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (D08) Toán - Sinh học - Ngữ văn (B03) Toán - Vật lí - Hóa học (A00)
28	7720401	Dinh dưỡng	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Hóa học - Sinh học (B00) Toán - Hóa học - Tiếng Anh (D07) Toán - Sinh học - Tiếng Anh (D08)
29	7460112	Toán ứng dụng	Toán - Vật lí - Hóa học (A00) Toán - Vật lí - Tiếng Anh (A01) Ngữ văn - Toán - Địa lí (C04) Ngữ văn - Toán - Tiếng Anh (D01) Toán - Ngữ văn - Tin học (X02) Toán - Vật lí - Tin học (X06) Toán - Tin học - Tiếng Anh (X26)

Năm 2026, Trường Đại học Tây Đô tiếp tục là điểm đến đáng tin cậy cho các bạn học sinh muốn học tập trong môi trường năng động, thực tiễn và gắn liền với nhu cầu việc làm. Để chuẩn bị tốt cho kỳ tuyển sinh sắp tới, thí sinh nên: Xác định sớm ngành học yêu thích và tìm hiểu kỹ các tổ hợp môn phù hợp; Chủ động ôn luyện những môn trong tổ hợp xét tuyển mà mình có thể mạnh. Theo dõi thường xuyên các thông báo chính thức từ Trường Đại học Tây Đô để cập nhật kịp thời thông tin tuyển sinh năm 2026, bao gồm tổ hợp môn cụ thể, chỉ tiêu từng ngành, phương thức xét tuyển, và các điều kiện ưu tiên, học bổng.

Truy cập website chính thức: <https://ts.tdu.edu.vn> hoặc Fanpage “Trường Đại học Tây Đô” để không bỏ lỡ thông tin mới nhất.

Hãy chuẩn bị ngay từ hôm nay để bạn có thể chạm tay vào cánh cửa đại học mơ ước cùng Trường Đại học Tây Đô.

Tin bài: Thảo Ly

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

DUYỆT CỦA PHÒNG TS&TT